

## MỘT SỐ XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI NGỮ ÂM TỪ PROTO KRA ĐẾN TIẾNG NÙNG VÈN

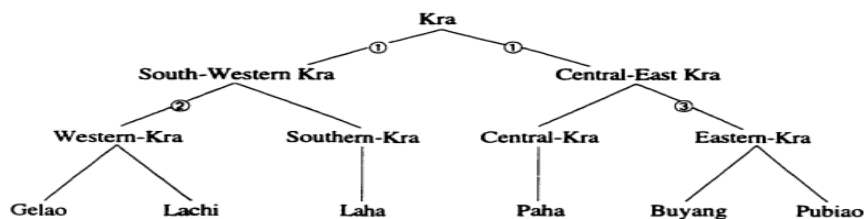
**PHAN LƯƠNG HÙNG\***

**Abstract:** Nung Ven is a subgroup of Nung ethnic group in Vietnam. Rather than speaking Tai language as other Nung subgroups, Nung Ven people speak a Kadai language as asserted in recent researches. Among diachronic features of Nung Ven language, soundchanges from Proto Kra are still less known. In this circumstance, based on available data, this paper will inspect reflexes of Proto Kra words in Nung Ven language spoken in Ca Tieng village, Noi Thon commune, Ha Quang district, Cao Bang province of Vietnam to point out soundchanges from Proto Kra to Nung Ven language.

**Keywords:** *Nung Ven, Kra, Proto Kra, soundchange, innovation, retention*

### 1. Mở đầu

Nùng Vèn cùng với Nùng Cháo, Nùng Lòì, Nùng An, Nùng Phàn Slinh, Nùng Inh, Nùng Giang, Nùng Dín, Nùng Quý Rín, Nùng Xuông, Nùng Cùi Chu, Nùng An Bình... là các nhóm địa phương thuộc dân tộc Nùng ở Việt Nam [4], [7], [8]. Ở Việt Nam, người Nùng Vèn cư trú tập trung tại địa bàn duy nhất là thôn Cả Tiêng, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Theo số liệu thống kê năm 2021 do UBND xã Nội Thôn cung cấp, hiện có 170 người Nùng Vèn đang sinh sống tại Thôn Cả Tiêng. Ngoài ra còn có một số người Nùng Vèn đã chuyển đến sinh sống và làm việc tại địa phương khác. Người Nùng Vèn có tên tự gọi là [ɛn<sup>33?</sup>]. Tiếng Nùng Vèn là một ngôn ngữ Kra (Kadai) được nhóm tác giả Edmondson J., Nguyễn Văn Lợi, Hoàng Văn Ma, Tạ Văn Thông [2] phát hiện và công bố. Cho đến nay, trên bình diện lịch đại, các tài liệu đề cập đến tiếng Nùng Vèn trên đều chủ yếu tập trung xác định vị trí của tiếng Nùng Vèn trong ngữ hệ Kra - Dai (hay còn gọi là ngữ hệ Thái - Kadai theo thuật ngữ được nhiều nhà nghiên cứu ở Việt Nam sử dụng) và xác nhận vị trí của tiếng Nùng Vèn thuộc nhánh Kra [1], [2], [4], [5], [10]. Trên cơ sở nhóm từ chứng ghi nhận được và đặc điểm biến đổi ngữ âm đối với một số phụ âm Proto Kra /\*t, \*t- nt-, \*C-t- và \*-t-/, Jerold Edmondson [10] tiếp tục đi xa hơn nữa với việc xếp tiếp Nùng Vèn vào tiểu nhóm Buyang (bao gồm các ngôn ngữ Paha, Yalhong, Ecu và Longjia) thuộc nhóm Kra phía Đông (Eastern Kra), tiểu nhánh Kra phía Đông và Trung Tâm (Central - East Kra), nhánh Kra theo cách phân loại của Ostapirat [11].



Hình 1: Sơ đồ nhánh Kra [11]

\* TS, Viện Ngôn ngữ học

Trên phương diện thống kê so sánh từ vựng, Edmondson J., Nguyễn Văn Lợi, Hoàng Văn Ma, Tạ Văn Thông [2] đưa ra kết quả so sánh 557 từ cơ bản giữa tiếng Nùng Vền với tiếng La Ha và Pu Péo (nhánh Kra) đạt tỉ lệ 54% từ cùng gốc, cao hơn đáng kể so với tỉ lệ 41% từ cùng gốc giữa tiếng Nùng Vền với các phương ngữ Tày, Nùng ở Việt Nam. Trong đó, các tác giả này cũng lưu ý tới một số từ cơ bản không xuất hiện trong tiếng Tày, Nùng nhưng lại được ghi nhận trong tiếng Nùng Vền và một số ngôn ngữ Kra khác như: *số từ, nước, trắng, gió, muối, thịt, máu, răng, chấy*... Kết quả này cũng phù hợp với kết quả so sánh từ vựng cơ bản cùng gốc theo bảng 100 từ của M.Swadesh giữa tiếng Nùng Vền với tiếng La Ha (52%) và Pu Péo (41%) do nhóm tác giả Nguyễn Hữu Hoàn, Phan Lương Hùng, Bùi Thị Ngọc Anh [4] công bố.

Trên phương diện đặc điểm biến đổi ngữ âm lịch sử của tiếng Nùng Vền, đối với sự biến đổi của phụ âm từ Proto Kra đến tiếng Nùng Vền, chỉ duy nhất có Jerold Edmondson [10] đưa ra nhận định về xu hướng đập nhập của */\*t, \*t- nt-, \*C-t-, \*-t-/* thành */t-/* và xu hướng bảo lưu của */\*k-, \*ʔ-, \*s-, \*ts- /* trong tiếng Nùng Vền theo phục nguyên Proto Kra của Ostapirat, Weera [11]. Đối với hệ thống thanh điệu tiếng Nùng Vền, Jerold Edmondson, Nguyễn Văn Lợi, Hoàng Văn Ma, Tạ Văn Thông [2] và Jerold Edmondson [10] đã dựa trên bộ công cụ của William Gedney (1972) để tìm hiểu sự biến đổi của thanh điệu từ Proto Kra tới tiếng Nùng Vền. Hai công trình này tuy sử dụng cùng một bộ công cụ nhưng thời điểm nghiên cứu cách nhau 12 năm, cho ra kết quả tương đối khác nhau về diện mạo hiện tại và quá trình biến đổi thanh điệu của tiếng Nùng Vền. Nếu như Jerold Edmondson, Nguyễn Văn Lợi, Hoàng Văn Ma và Tạ Văn Thông [2] ghi nhận sự khác nhau giữa các thanh thuộc phạm trù thanh Ds với phạm trù thanh Dl thì Jerold Edmondson [10] không ghi nhận sự phân biệt này. Ông cũng chỉ lường phân hai dòng phụ âm đầu thay vì 04 dòng như nhóm tác giả trên. Giá trị của các thanh trong từng ô tương ứng ở hai công trình nghiên cứu là cũng khác nhau. Cũng cần nói thêm, các kết quả nghiên cứu hai nhóm tác giả nêu trên về hệ thống và quá trình biến đổi của thanh điệu tiếng Nùng Vền chỉ có giá trị tham khảo, bởi theo chúng tôi, việc sử dụng bảng công cụ của Gedney (1972) là chưa thực sự phù hợp đối với tiếng Nùng Vền do bộ công cụ này vốn chỉ được xây dựng phục vụ cho việc tìm hiểu quá trình biến đổi thanh điệu của các ngôn ngữ thuộc nhóm Tai, dựa trên ngôn ngữ Proto - Tai được phục nguyên. Trong khi đó, Nùng Vền lại không phải là một ngôn ngữ Tai mà là một ngôn ngữ Kra.

## 2. Tư liệu và phương pháp nghiên cứu

Tư liệu được sử dụng trong bài viết này bao gồm hai nguồn chính. Nguồn tư liệu thứ nhất là các tư liệu nguyên cấp về tiếng Nùng Vền do chúng tôi trực tiếp thu thập vào tháng 3/2022 tại xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Cộng tác viên cung cấp tư liệu bao gồm:

- Ông Hoàng Văn Hạ, 31 tuổi, trú tại xóm Cả Tiêng, xã Nội Thôn.
- Ông Vương Thế Khoa, 38 tuổi, trú tại xóm Cả Tiêng, xã Nội Thôn.
- Ông Vương Văn Quyết, 38 tuổi trú tại xóm Cả Tiêng, xã Nội Thôn.

Nguồn tư liệu thứ hai là tư liệu thứ cấp thu thập từ các công trình nghiên cứu đi trước, trong đó có công trình đặc biệt quan trọng là phục nguyên Proto Kra của Ostapirat (2000).

Trên cơ sở các tư liệu thu thập được, phương pháp so sánh lịch sử được sử dụng với việc dựa trên các phục nguyên Proto Kra để so sánh với các ánh xạ của chúng trong tiếng Nùng Vền nhằm làm rõ một số xu hướng biến đổi ngữ âm từ Proto Kra đến tiếng Nùng Vền; qua đó góp phần làm rõ vị trí của tiếng Nùng Vền trong các ngôn ngữ Kra.

### 3. Kết quả nghiên cứu

Trên cơ sở phục nguyên của Ostapirat (2000) đối với Proto Kra, chúng tôi đã tiến hành đối chiếu với các ánh xạ của hệ thống phụ âm đầu trong các từ cùng gốc trong tiếng Nùng Vền và khái quát thành một số xu hướng biến đổi ngữ âm chủ đạo từ Proto Kra đến tiếng Nùng Vền. Kết quả cụ thể như sau:

#### 3.1. Hiện tượng bảo lưu các phụ âm Proto Kra

Kết quả phân tích tư liệu cho thấy các phụ âm /\*d, \*k, \*l, \*m, \*n, \*ɲ, \*ŋ, \*p, \*t, \*ʔ/ được bảo lưu (retention) trong các từ cùng gốc ở trong tiếng Nùng Vền. Trong số này, /\*ʔ/ và /\*k/ cũng đã được Edmondson (2011) xác nhận được bảo lưu trong tiếng Nùng Vền. Ví dụ:

| Việt     | Proto Kra | Nùng Vền           |
|----------|-----------|--------------------|
| xương    | *dək D    | dək <sup>35</sup>  |
| làm      | *du A     | du <sup>232</sup>  |
| quên     | *dəp D    | dəp <sup>35</sup>  |
| gà       | *ki A     | kjǝ <sup>232</sup> |
| già, cũ  | *ku B     | ku <sup>343</sup>  |
| đang     | *kəm A    | kəm <sup>232</sup> |
| con      | *lak D    | lək <sup>31</sup>  |
| liếm     | *lim C    | lim <sup>312</sup> |
| trộm     | *lum C    | lũm <sup>44</sup>  |
| khoai    | *məl A    | mən <sup>323</sup> |
| râu, ria | *mum C    | məm <sup>323</sup> |
| mới      | *mal A    | mən <sup>323</sup> |
| ruộng    | *na A     | ne <sup>323</sup>  |
| cho      | *nak D    | ne <sup>32</sup>   |
| khóc     | *ɲit D    | ɲit <sup>35</sup>  |
| muối     | *ɲo A     | ɲəw <sup>323</sup> |
| rắn      | *ɲa A     | ɲe <sup>323</sup>  |
| bổ       | *pa B1    | pə <sup>343</sup>  |
| lũa      | *pui A    | pi <sup>232</sup>  |

|        |        |                   |
|--------|--------|-------------------|
| vác    | *pa C  | pe <sup>312</sup> |
| gan    | *təp D | tăp <sup>44</sup> |
| cây    | *ti A  | ti <sup>232</sup> |
| ba     | *tu A  | tu <sup>232</sup> |
| em gái | *ʔon C | ʔən <sup>44</sup> |
| rau    | *ʔop D | ʔăp <sup>35</sup> |
| nhiều  | *ʔi B  | ʔi <sup>343</sup> |

Bên cạnh hiện tượng bảo lưu phụ âm đầu như đã nêu ở các ví dụ trên, tư liệu thu thập được cũng ghi nhận cả hiện tượng bảo lưu tiền âm tiết Proto Kra trong tiếng Nùng Vền, ví dụ:

| Việt  | Proto Kra | Nùng Vền                             |
|-------|-----------|--------------------------------------|
| vùng  | *l-ŋa A   | li <sup>32</sup> ɲe <sup>323</sup>   |
| cá    | *p-la A   | pən <sup>33</sup> le <sup>323</sup>  |
| trắng | *r-ʔuk D  | li <sup>312</sup> ʔuk <sup>35</sup>  |
| thần  | *r-man A  | li <sup>312</sup> mən <sup>323</sup> |
| cao   | *k-ɣwan A | li <sup>312</sup> wən <sup>44</sup>  |

Có thể nói xu hướng bảo lưu các phụ âm tắc Proto Kra khá phổ biến trong tiếng Nùng Vền. Xu hướng bảo lưu các hiện tượng ngôn ngữ của ngôn ngữ mẹ trong các ngôn ngữ con cháu còn được gọi là hiện tượng duy trì ngôn ngữ (language retention). Trong phương pháp so sánh lịch sử, các hiện tượng duy trì ngôn ngữ không có giá trị phân nhóm ngôn ngữ nhưng lại là chỉ dấu quan trọng về mối quan hệ thân tộc của ngôn ngữ. Xu hướng này cũng được ghi nhận trong nhiều ngôn ngữ Kra-Dai khác, ví dụ:

Tày Trùng Khánh: tăp<sup>35</sup> (gan), duk33 (xương), ke33 (già).

Longchow: tăp<sup>35</sup> (gan), kaj5 (gà), duk6 (xương), ke5 (già).

Thái đen Yên Châu: tăp<sup>35</sup> (gan), kaj33 (gà), dok31 (xương).

Giáy: tăp<sup>35</sup> (gan), kăj21 (gà), dək22 (xương).

Saek: tăp<sup>35</sup> (gan), kaj6 (gà), ke6 (già)

Mak: tap7 (gan), dək7 (xương).

La Ha: tap6 (gan), pəi1 (lửa), ke5 (già)

La Chí: ta55 (gan), pe33 (lửa)

Pu Péo: tăp5 (gan), pəj1 (lửa)

### 3.2. Hiện tượng cách tân ngữ âm từ Proto Kra đến tiếng Nùng Vền

Trong Proto Kra theo phục nguyên của Ostapirat (2000), có thể thấy một số lượng đáng kể từ đa tiết với các tiền âm tiết. Do vậy, có thể đoán định quá trình đơn tiết hóa đối với các từ Proto

Kra - Dai có dạng thức đa tiết chỉ diễn ra mạnh mẽ sau khi Proto Kra đã tách ra thành một nhánh ngôn ngữ độc lập. Kết quả thống kê, phân tích tư liệu thu thập được cho thấy một số xu hướng cách tân (innovation) đáng chú ý như sau:

(1) Xu hướng rụng tiền âm tiết và bảo lưu phụ âm đầu của âm tiết chính

Kết quả phân tích tư liệu thu thập được cho thấy xu hướng rụng tiền âm tiết và giữ nguyên phụ âm đầu của âm tiết chính của Proto Kra trong tiếng Nùng Văn khá phổ biến. Các phụ âm đầu của âm tiết chính được giữ lại chủ yếu là các phụ âm tắc, cụ thể như sau: \*m-t > t, \*C-d > d, \*C-j > j, \*C-k > k, \*d-l > l, \*(m-)ŋ > n, \*C-m > m, \*C-n > n, \*(l-)w > w, \*(x-)m > m, \*p-l > l, \*t-l, \*s-l > l, \*x-n > n, \*ʔ-n > n. Trong đó đáng chú ý là sự đập nhập trong tiếng Nùng Văn đối với các tổ hợp: \*(m-)ŋ, \*C-n, x-n, \*ʔ-n > n; \*r-m, \*C-m, \*(x-)m, \*l-m > m và \*d-l, \*p-l, \*t-l > l. Ví dụ:

| Việt      | Proto Kra  | Nùng Văn           |
|-----------|------------|--------------------|
| đầy       | *m-tik D   | tic <sup>35</sup>  |
| dưa chuột | *m-tiŋ A   | tiŋ <sup>232</sup> |
| trần      | *C-dəŋ A   | dəŋ <sup>343</sup> |
| cỏ        | *C-jo A    | jəw <sup>323</sup> |
| sùng      | *C-ku A    | kək <sup>323</sup> |
| đầu gối   | *C-ku B    | ku <sup>32</sup>   |
| sợ        | *p-la A    | ləw <sup>343</sup> |
| xuống     | *d-loŋ A   | loŋ <sup>32</sup>  |
| móng      | *t-lep D   | lep <sup>31</sup>  |
| chọn      | *s-le B    | lɛ <sup>312</sup>  |
| mập       | *(m-)ŋəl A | nəŋ <sup>323</sup> |
| năm       | *r-ma A    | mɛ <sup>323</sup>  |
| gấu       | *C-me A    | mu <sup>j343</sup> |
| trái cây  | *C-mak D   | mək <sup>35</sup>  |
| đến       | *(C-)ma A  | mɛ <sup>343</sup>  |
| đúng      | *(x-)mit D | min <sup>323</sup> |
| bọ chét   | *x-mət D   | mɛt <sup>35</sup>  |
| lười      | *l-ma A    | min <sup>32</sup>  |
| sương     | *l-me A    | muk <sup>35</sup>  |
| dày       | *C-na A    | nɛ <sup>323</sup>  |
| sáu       | *x-nəm A   | nəm <sup>343</sup> |
| ai        | *ʔ-nau A/C | nəw <sup>44</sup>  |
| ngày      | *(l-)wən A | wən <sup>343</sup> |

(2) Xu hướng rụng tiền âm tiết và phụ âm đầu của âm tiết chính biến đổi sang phụ âm cùng hoặc gần vị trí cấu âm

Kết quả phân tích tư liệu thu thập được cũng cho thấy xu hướng rụng tiền âm tiết và phụ âm đầu của âm tiết chính Proto Kra biến đổi sang phụ âm cùng vị trí và phương thức cấu âm trong tiếng Nùng Vền, cụ thể như sau:  $*C-s/*C-tʃ$ ,  $*k-l$ ,  $*k-r$ ,  $*k-s > ʃ$ ,  $*C-t$ ,  $*m-t > t$ ,  $*(k-)d > d$ ,  $*(m-)ŋ > n$ ,  $*C-k > c$ . Trong đó, đáng chú ý là sự đập nhập của các kết cấu  $*C-s$ ,  $*C-tʃ$ ,  $*k-l$ ,  $*k-r$ ,  $*k-s$ / Proto Kra thống nhất sang phụ âm sát đầu lưỡi, quặt /ʃ/ trong tiếng Nùng Vền, ví dụ:

| Việt     | Proto Kra    | Nùng Vền           |
|----------|--------------|--------------------|
| ruột     | $*C-si$ C    | ʃi <sup>44</sup>   |
| chảy     | $*C-tu$ A    | tu <sup>232</sup>  |
| mắt      | $*m-ta$ A    | tɛ <sup>343</sup>  |
| phoi     | $*m-tak$ D   | tɛk <sup>35</sup>  |
| răng     | $*C-tʃuŋ$ A  | ʃũŋ <sup>343</sup> |
| đuôi     | $*C-tʃot$ D  | ʃɿt <sup>323</sup> |
| sống     | $*(k-)dɛp$ D | dɛp <sup>35</sup>  |
| mập, béo | $*(m-)ŋəl$ A | nɛn <sup>323</sup> |
| xa       | $*k-li$ A    | ʃi <sup>32</sup>   |
| tai      | $*k-ra$ A    | ʃɛ <sup>323</sup>  |
| cười     | $*k-so$ A    | ʃɛw <sup>232</sup> |
| tóc      | $*m-səm$ A   | ʃɛm <sup>35</sup>  |
| rượu     | $*C-ka$ C    | cɛ <sup>343</sup>  |

(3) Xu hướng rụng tiền âm tiết và tổ hợp phụ âm đầu Proto Kra của âm tiết chính rụng thành tổ

Tư liệu cho thấy xu hướng rụng tiền âm tiết và tổ hợp phụ âm đầu Proto Kra của âm tiết chính rụng thành tổ và biến đổi sang phụ âm cùng vị trí cấu âm, cụ thể như sau:  $*m-bl > b$ ,  $*m-pl > p$ ,  $*m-dr$ ,  $*m-dj > d$ ,  $*m-(p)ɣ > p$ ,  $*s-yw > w$ . Ví dụ:

| Việt    | Proto Kra     | Nùng Vền           |
|---------|---------------|--------------------|
| vác     | $*m-blik$ D   | bic <sup>35</sup>  |
| quả đào | $*m-pləŋ$ A   | pɛŋ <sup>232</sup> |
| rận     | $*m-drəl$ A   | dɛn <sup>232</sup> |
| năm     | $*m-(p)ɣiŋ$ A | pɿŋ <sup>323</sup> |
| tháng   | $*m-djan$ A   | dɛn <sup>343</sup> |
| chín    | $*s-ywa$ B    | wɛ <sup>343</sup>  |

(4) Xu hướng rụng thành tố của tổ hợp phụ âm đầu Proto Kra của âm tiết chính trong tiếng Nùng Vẻn

Khác với các trường hợp nêu trên, đây là xu hướng được khái quát từ các cấu trúc không có tiền âm tiết. Tư liệu cho thấy một số xu hướng biến đổi ngữ âm theo hướng rụng thành tố của tổ hợp phụ âm đầu Proto Kra của âm tiết chính trong tiếng Nùng Vẻn như sau: \*hl > l, \*hɲ > ɲ, \*hɲw > h, \*kɣ > k, \*ɲl > ɲ, \*ɣw > w. Ví dụ:

| Việt | Proto Kra | Nùng Vẻn           |
|------|-----------|--------------------|
| sâu  | *(h)lək D | lɛk <sup>31</sup>  |
| bụng | *hloɲ A   | loɲ <sup>343</sup> |
| chờ  | *hɲa(w) A | ɲu <sup>323</sup>  |
| chín | *hɲwu B   | hu <sup>343</sup>  |
| máu  | *kɣa C    | kɛ <sup>44</sup>   |
| kim  | *ɲlot D   | ɲet <sup>31</sup>  |
| đi   | *ɣwa C    | wɛ <sup>312</sup>  |

(5) Xu hướng cách tân từ một phụ âm Proto Kra sang một phụ âm cùng vị cấu âm trong tiếng Nùng Vẻn

Xu hướng này có thể tiếp tục phân nhỏ thành các cách tân cụ thể, ví dụ xu hướng cách tân từ các phụ âm xát, rung, tắc xát Proto Kra sang phụ âm xát: \*s, \*r, \*ts, \*tɕ, \*tʃ > /s/; xu hướng cách tân từ phụ âm quặt lưỡi sang phụ âm lưỡi bẹt cùng vị trí cấu âm: \*ɲ > n, \*ʈ > t, \*ɖ > d hay các cách tân \*ʒ > j, \*b > p, \*m > b. Ví dụ:

| Việt    | Proto Kadai (Kra) | Nùng Vẻn           |
|---------|-------------------|--------------------|
| dài     | *ri C             | ʃi <sup>32</sup>   |
| hai     | *sa A             | ʃɛ <sup>232</sup>  |
| trúng   | *təm A            | təm <sup>232</sup> |
| lá      | *dɲ A             | dɲ <sup>232</sup>  |
| chim    | *ɲok D            | nok <sup>35</sup>  |
| rẽ      | *tsaɲ A           | ʃaɲ <sup>232</sup> |
| dạy     | *tɕun A           | ʃun <sup>343</sup> |
| no      | *tʃi B            | ʃi <sup>343</sup>  |
| em trai | *ʒaw B            | jɛw <sup>32</sup>  |
| bố      | *ba A             | pɛ <sup>343</sup>  |
| dê      | *me C             | bɛ <sup>44</sup>   |

(5) So sánh các ánh xạ của một số phụ âm Proto Kra trong tiếng Nùng Vền với các ánh xạ trong một số ngôn ngữ Kra khác

Ở trên, bài viết đã chỉ ra một số xu hướng biến đổi ngữ âm đáng chú ý thông qua các ánh xạ của từ Proto Kra trong tiếng Nùng Vền. Để có cái nhìn toàn diện hơn về sự biến đổi ngữ âm từ Proto Kra đến tiếng Nùng Vền; qua đó thấy rõ hơn vị trí của tiếng Nùng Vền trong nhánh Kra, ngữ hệ Kra - Dai, ở phần này chúng tôi sẽ so sánh một số ánh xạ của một số từ Proto Kra trong tiếng Nùng Vền với các ánh xạ trong một số ngôn ngữ Kra khác. Dưới đây là một số ví dụ:

| Việt     | Proto Kra | Nùng Vền                            | Cơ Lao   | La Chí  | La Ha    | Pu Péo   | Paha     | Buyang   |
|----------|-----------|-------------------------------------|----------|---------|----------|----------|----------|----------|
| nách     | *tai C    | lěj <sup>323</sup>                  | tei C1   | tja C1  | taai C1  | lhii A2  | taaj C1  | lie A2   |
| diều hâu | *d-laŋ C  | kjɛŋ <sup>44</sup>                  | li C2    | lhi C2  | klaaŋ C2 | laaŋ C2  | ðaaŋ C2  | laaŋ C2  |
| cá       | *p-la A   | pěŋ <sup>33</sup> lɛ <sup>323</sup> | lau A2   | lhi A2  | blaa A2  | phjaa A2 | pjaa A1  | pjaaa A1 |
| chọn     | *s-le B   | lɛ <sup>312</sup>                   | li B1    | se B1   | ...      | ...      | ðii B2   | lee B2   |
| xuống    | *d-loŋ A  | loŋ <sup>32</sup>                   | ...      | lhju A2 | kloŋ A2  | ...      | ...      | luŋ C2   |
| cột      | *m-tɕu A  | ɕɛw <sup>232</sup>                  | sa A1    | tei A1  | cou B2   | teau A1  | dzhuu A1 | θuu A1   |
| răng     | *C-tʃuŋ A | ɕuŋ <sup>343</sup>                  | pan A1   | sei A1  | cuy A1   | θuaŋ A1  | jɔaŋ A1  | θɔaŋ A1  |
| no       | *tʃi B    | ɕi <sup>343</sup>                   | tshai B1 | sɛ B1   | ci B1    | ...      | ...      | θii B1   |

Kết quả phân tích xu hướng biến đổi của phụ âm từ Proto Kra đến tiếng Nùng Vền trong so sánh với các ngôn ngữ thuộc nhánh Kra hiện đại cho thấy sự đặc biệt gần gũi giữa tiếng Nùng Vền với tiếng Buyang; thể hiện ở các cách tân \*t > l, \*s-l > l, \*d-l > l. Ngoài ra, tư liệu cũng cho thấy tiếng Nùng Vền cũng có những đặc điểm riêng biệt về xu hướng biến đổi ngữ âm từ Proto Kra đối với quá trình rụng tiền âm tiết và cách tân phụ âm đầu âm tiết chính; thể hiện ở các từ *cột*, *răng*, *no*. Bên cạnh quá trình cách tân ngữ âm đối với tiền âm tiết hoặc phụ âm đầu từ Proto Kra đến tiếng Nùng Vền, nguyên âm trong tiếng Nùng Vền cũng cho thấy sự gần gũi với các ngôn ngữ La Ha, Pu Péo, Pa Ha và Buyang hơn là với tiếng Cơ Lao và La Chí. Quá trình biến đổi của nguyên âm Proto Kra đến tiếng Nùng Vền sẽ được chúng tôi đề cập ở một bài viết khác.

#### 4. Kết luận

Phần trình bày ở trên cho thấy xu hướng đơn tiết hóa diễn ra khá mạnh mẽ với hiện tượng rụng tiền âm tiết Proto Kra trong các ngôn ngữ Kra hiện đại. Bên cạnh đó, các cách tân phổ biến ở phụ âm đầu của âm tiết chính Proto Kra được ghi nhận trong tiếng Nùng Vền bao gồm rụng thành tố của tổ hợp phụ âm và giữ nguyên thành tố còn lại hoặc rụng thành tố của tổ hợp phụ âm và phụ âm còn lại được cách tân sang một phụ âm có cùng hoặc gần vị trí cấu âm. Bên cạnh có hiện tượng bảo lưu các đặc điểm Proto Kra vốn phổ biến trong các ngôn ngữ Kra hiện đại, một số tư liệu so sánh ánh xạ Proto Kra trong tiếng Nùng Vền với các ngôn ngữ Kra khác cũng cho thấy

sự gần gũi với các ngôn ngữ La Ha, Pa Ha, Pubiao và đặc biệt là Buyang hơn các ngôn ngữ Cơ Lao và La Chí. Điều này cũng phù hợp với nhận xét và sự định vị tiếng Nùng Vền vào nhóm Kra phía đông của Ostapirat [11].

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

##### Tiếng Việt

1. Trần Trí Dõi, *Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2016.
2. Edmondson J., Nguyễn Văn Lợi, Hoàng Văn Ma, Tạ Văn Thông, *Nùng Vền (Ênh) - một ngôn ngữ Kadai mới được phát hiện*, TC Ngôn ngữ, Số 5, 1999.
3. Nguyễn Thiện Giáp, *Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ*, Nxb Giáo dục, 2009.
4. Nguyễn Hữu Hoành (chủ biên), Phan Lương Hùng, Bùi Thị Ngọc Anh, *Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam: Một số vấn đề về xác định thành phần, tên gọi và cách viết tên ngôn ngữ trong mối quan hệ với dân tộc*, Nxb KHXH, 2022.
4. Lã Văn Lô, Nguyễn Hữu Thấu, Mạc Đường, *Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa, 1959.
5. Tạ Văn Thông, Tạ Quang Tùng, *Ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb Đại học Thái Nguyên, 2017.
6. Đoàn Thiện Thuật, *Hệ thống ngữ âm tiếng Tây - Nùng*, Trong *Tìm hiểu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, 1972.
7. Viện Dân tộc học, *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Nxb KHXH, 2014.
8. Viện Dân tộc học, *Sổ tay về các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb KHXH, 1983.

##### Tiếng Anh

9. Edmondson, Jerold A., *Kra or Kadai languages*, The Tai-Kadai Languages, Routledge, London, 2008.
10. Jerold A. Edmondson, *Notes on the subdivisions in Kra*, Journal of Guangxi University for Nationalities 33. 8-14, 2011.
11. Ostapirat, Weera, *Proto Kra*, LTBA 23.1-251, 2000.
12. Ilia Peiros, *Comparative linguistics in Southeast Asia*, The Australian National University, Canberra, 1998.